

Số: 539/2024/QĐST-DS

Phú Nhuận, ngày 21 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Xác định con cho Mẹ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Thư ký phiên họp: Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Võ Nam Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 443/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu xác định con cho mẹ” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 126/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Phan Thị Kim N, sinh ngày 10/12/1990

Nơi thường trú: Tổ 48, Hòa Hiệp N, L, Đà Nẵng.

Địa chỉ tạm trú: E T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1970

Địa chỉ: 3 A, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trẻ Nguyễn Quốc B, sinh ngày 14/10/2012 có đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ: 3 A, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tất cả các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu ngày 20/3/2024 và các lời khai tiếp sau đó, bà Phan Thị Kim N trình bày:

Năm 2012, bà có mang thai và sinh trẻ Nguyễn Quốc B, sinh ngày 14/10/2012 giới tính N1. Do lúc đó còn trẻ, chưa đăng ký kết hôn và chưa đủ hiểu biết nên bà để mẹ ruột của bà là bà Nguyễn Thị Minh C đứng tên trên giấy khai sinh của trẻ B (Giấy khai sinh số 104; quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/8/2013). Hiện nay, trẻ Nguyễn Quốc B đã lớn, bà muốn nhận lại con để thực hiện trách nhiệm của người mẹ đối với con nên bà đề nghị Tòa án giải quyết xác định trẻ Nguyễn Quốc B sinh ngày 14/10/2012 theo giấy khai sinh số 104; quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/8/2013 là con ruột của bà để bà đủ điều kiện liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm lại khai sinh cho con cũng như trực tiếp nuôi dưỡng con. Do bận công việc làm ăn nên không có nhiều thời gian đến Tòa án nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại bản tự khai ngày 10/5/2024, bà Nguyễn Thị Minh C đồng thời, bà Nguyễn Thị Minh C là đại diện hợp pháp cho trẻ Nguyễn Quốc B cùng thống nhất ý kiến trình bày và yêu cầu của bà Phan Thị Kim N, đề nghị Toà án xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Kim N xác định trẻ Nguyễn Quốc B, sinh ngày 14/10/2012 theo Giấy khai sinh số 104; quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/8/2013 là con ruột của bà Phan Thị Kim N.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết việc dân sự là đúng thẩm quyền và tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Kim N xác định trẻ Nguyễn Quốc B, sinh ngày 14/10/2012 theo Giấy khai sinh số 104; quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/8/2013 là con ruột của bà Phan Thị Kim N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 4 nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Kim N có yêu cầu Tòa án giải quyết xác định trẻ Nguyễn Quốc B, sinh ngày 14/10/2012 theo Giấy khai sinh số 104; quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/8/2013 là con ruột của bà Phan Thị Kim N. Bà Phan Thị Kim N có nơi cư trú tại E T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận theo quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, bà Phan Thị Kim N, bà Nguyễn Thị Minh C, bà C đồng thời là đại diện hợp pháp của trẻ Nguyễn Quốc B vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu như trên. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự theo quy định.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai nhận của các đương sự, bản sao giấy khai sinh số 104; quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/8/2013 cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Năm 2012, bà Phan Thị Kim N có mang thai và đến ngày 14/10/2012 thì sinh ra trẻ Nguyễn Quốc B, giới tính N1. Do chưa đăng ký kết hôn, còn trẻ và chưa hiểu biết nên bà N đã để cho bà Nguyễn Thị Minh C là mẹ ruột của bà N đứng tên là mẹ ruột của trẻ Nguyễn Quốc B trên giấy khai sinh số 104; quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/8/2013. Nay, bà Phan Thị Kim N yêu cầu Tòa án xác định trẻ Nguyễn Quốc B, sinh ngày 14/10/2012 là con đẻ của bà N và căn cứ vào phiếu kết quả xét nghiệm ADN ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Trung tâm C1 – Công ty TNHH C2 kết luận bà Phan Thị Kim N và trẻ Nguyễn Quốc B có quan hệ huyết thống là mẹ - con với tần suất là 99,999999999%. Mặt khác, bà Nguyễn Thị Minh C là mẹ ruột của bà N cũng đồng thời là người đứng tên trên giấy khai sinh cho trẻ B cũng đều thừa nhận trẻ Nguyễn Quốc B là con đẻ của bà Phan Thị Kim N và đồng ý để trẻ B nhận bà Phan Thị Kim N là mẹ đẻ của trẻ B.

Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở pháp lý để xác định giữa bà Phan Thị Kim N và trẻ Nguyễn Quốc B có quan hệ huyết thống là mẹ con nên yêu cầu xác

định con cho mẹ của bà **Phan Thị Kim N** là có căn cứ, phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 90 và khoản 2 Điều 102 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cũng như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp nên được chấp nhận.

[3] Về lệ phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà **Phan Thị Kim N** phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 10 Điều 29, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 89, Điều 90, Điều 91, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102, Điều 121, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà **Phan Thị Kim N** về việc xác định con cho mẹ.

Xác định trẻ **Nguyễn Quốc B**, sinh ngày 14/10/2012, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; hiện trú tại số **Á**, xã **P**, huyện **Đ**, tỉnh **Đồng Nai** theo giấy khai sinh số **104**; quyền số **01/2013** do Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **Đ**, tỉnh **Đồng Nai** cấp ngày 12/8/2013 là con ruột của bà **Phan Thị Kim N**, sinh ngày 10/12/1990, Quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 048190008256; thường trú: Tổ 48, **Hòa Hiệp N, L, Đà Nẵng**; tạm trú: 58 **T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Bà **Phan Thị Kim N** có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để tiến hành cải chính hộ tịch cho trẻ **Nguyễn Quốc B** theo quy định.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà **Phan Thị Kim N** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà **Phan Thị Kim N** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032397 ngày 17/4/2024 của Cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận. Bà **Phan Thị Kim N** đã nộp xong lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CCTHADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thanh Thảo

